

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 12 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng;

2. Ông Thạch Thanh Long;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngoan là Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Kim Thị V, sinh năm 1993; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nguyệt Lăng C, xã B P, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn:** Anh Kiên M, sinh năm 1987; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Nguyệt Lăng C, xã B P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Kim Thị V là nguyên đơn như sau:**

Vào năm 2014 chị V có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Kiên M và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B P, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (nay là xã B P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 01/12/2014. Trong quá trình chung sống, vợ

chồng chị V có 01 con chung tên Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/11/2015 hiện đang sống chung với chị V.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng tháng 6 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, anh Kiên M là người sống gia trưởng, không quan tâm, chăm lo phụ giúp kinh tế cho gia đình, thu nhập thì của ai nấy giữ tiêu xài, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Đến ngày 28/8/2025, chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Do vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh Kiên M.

Về con chung: Chị V yêu cầu được nuôi con chung tên Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/11/2015, chị V khai có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Kiên M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Chị V khai không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị V nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do bận làm thuê ở xa, việc đi lại khó khăn nên chị Kim Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Anh Kiên M là bị đơn vắng mặt nhưng có cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình như sau:

Anh M thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị V trình bày theo đơn khởi kiện là đúng. Vợ chồng anh M có 01 con chung tên Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/11/2025 hiện đang sống chung với chị V. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc quản lý tiền bạc, anh M không chu cấp đầy đủ cho vợ con nên xảy ra cự cãi, chị V giận và bỏ về cha, mẹ ruột sinh sống từ tháng 08/2025. Anh có thường xuyên khuyên nhủ chị V trở về chung sống nhưng chị V không đồng ý.

Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh M không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ. Trường hợp chị V cương quyết ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh M đồng ý giao con chung tên Kiên Thị Sô Ph cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M khai vợ chồng anh không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do bận công việc gia đình nên anh Kiên M yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Kiên Thị Sô Ph là con chung của chị Kim Thị V và anh Kiên M trình bày khi cha, mẹ ly hôn Kiên Sô Ph có nguyện vọng về sống với mẹ ruột là chị Kim Thị V.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS cụ thể không có mặt trong các phiên hòa giải công khai chứng cứ mặc dù được tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị V

Về hôn nhân: Chị Kim Thị V được ly hôn với anh Kiên M.

Về con chung: Chị V được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/11/2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V chưa yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Về án phí: buộc chị Kim Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy chị Kim Thị V và anh Kiên M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị V và anh M.

Về quan hệ pháp luật: Chị V khởi kiện anh M để yêu cầu được ly hôn và giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn, tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Xét thấy đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị V và anh Kiên M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M do có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và hiện đã ly thân với nhau nên không còn hạnh phúc. Anh M có lời khai thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh M có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh M và chị V xảy ra cự cãi dẫn đến không còn chung sống với nhau. Từ đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Chị V và anh M có 01 người con chung tên chung tên Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/01/2025 hiện đang sống chung với chị V. Kiên Sô Phia có nguyện vọng về sống với mẹ ruột là chị Kim Thị V. Do đó để đảm bảo sự ổn định tâm lý và phát triển bình thường của Kiên Thị Sô Ph, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao Kiên Thị Sô Ph cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình về việc cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Kim Thị V trình bày có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh Kiên M phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị V và anh M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị V và anh M khai không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị V, anh M nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Kim Thị V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Thị V.

Về hôn nhân: Chị Kim Thị V được ly hôn với anh Kiên M.

Về con chung: Giao con chung của chị V và anh M tên Kiên Thị Sô Ph, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Kim Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp nguyện vọng của Kiên Thị Sô Ph.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn anh Kiên M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Kim Thị V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị V và anh M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị V và anh M khai không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị V, anh M nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Kim Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003598 ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- CCTHADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã B P, tỉnh Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng